

Số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/3/2022.

V/v: Ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H
và ông Nguyễn Quốc H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số nhà 80/28 Đ, Phường 1 và địa chỉ hẻm số 09 T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của bà và ông Nguyễn Quốc H được công nhận vào ngày 15/10/1988, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Phát, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và đăng ký lại vào ngày 30/10/2006. Kết hôn do hai gia đình sắp đặt. Quá trình sống chung cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng làm chủ nhiều dây huê và bị người chơi huê không chồng huê, dẫn đến nợ nần, phải bán nhà, đất để trả hết nợ. Từ đó, ông H thay đổi tính tình, gia trưởng, ghen tuong vô cớ, thường xuyên chửi bới, không tôn trọng vợ, con và cha mẹ bên vợ bằng những lời lẽ tục tĩu làm cho vợ, con xấu hổ không thể chịu đựng nổi. Vợ, con đã khuyên can nhưng ông H không thay đổi. Từ

tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, có họ và tên là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/1993 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 10/5/1999. Hiện tại 03 con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của tôi và bà Trần Thị Thu H được công nhận vào ngày 15/10/1988, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Phát, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và đăng ký lại vào ngày 30/10/2006. Vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Quá trình sống chung cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H ngoại tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng làm chủ nhiều dây huê, bị người chơi huê không chồng huê dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, nợ nần, phải bán nhà, đất trả nợ vẫn không đủ. Từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý với các lý do như sau:

+ Khi bán nhà, đất của vợ chồng được 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), ông nói bà H để lại 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để lo cuộc sống (chỉ nói miệng không có giấy tờ) nhưng đã để cho ông D (tên Huỳnh Văn L, sinh năm 1970) quản lý toàn bộ tiền bán nhà, đất của vợ chồng dùng để trả nợ hết cho chủ nợ, không cho ông biết một đồng tiền nào, trong khi đó ông đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền phải trả nợ cho các chủ nợ là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng).

+ Bà H đã ngoại tình với ông D làm việc tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang (ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc ngoại tình của bà H).

+ Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

+ Ông yêu cầu bà Trần Thị Thu H phải trả lại tiền bán nhà, đất là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Sau khi được Tòa án giải thích là phải làm đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật thì ông không làm đơn khởi kiện về số tiền 100.000.000đ đối với bà H và không đồng ý nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Ông chỉ nói riêng với bà H là phải trả lại cho ông cuốn Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Quốc H và 100.000.000đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, có họ và tên là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/1993 và Nguyễn Ngọc H1,

sinh ngày 10/5/1999. Hiện tại 03 con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H về ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc H. Về con chung: Có 03 con chung, có họ và tên là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/1993 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 10/5/1999. Hiện tại 03 con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung: không có, nợ chung: Không yêu cầu xem xét; đối với số tiền bán nhà đất là 100.000.000đ ông H yêu cầu bà H phải trả thì tách ra giải quyết thành vụ án dân sự khác; về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Phát, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 186, quyển số 06, quan hệ hôn nhân được công nhận ngày 15/10/1988. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Quốc H, ở địa chỉ: Số nhà 80/28 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1 và hẻm số 09 Trần Bình Trọng, phường Lộc Phát, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo bà Trần Thị Thu H xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm chủ nhiều dây huê và bị người chơi huê không chồng huê dẫn đến bị nợ nần, phải bán nhà, đất để trả hết nợ. Ông H thay đổi tính tình, ghen

tuông vô cớ, gia trưởng, thường xuyên chửi bới, không tôn trọng vợ, con và cha mẹ bên vợ, chửi bằng những lời lẽ tục tĩu, làm cho vợ, con xấu hổ không thể chịu đựng nổi. Từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Theo ông Nguyễn Quốc H xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H ngoại tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng làm chủ nhiều dây huê, con huê không chồng huê dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, nợ nần, phải bán nhà, đất trả nợ vẫn không đủ, ông có những lời lẽ xúc phạm gia đình vợ. Từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 08/3/2022 đối với ông Lê Xuân H là Tổ Trưởng tổ dân phố 2, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Quốc H như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1966 có bố ruột là ông Nguyễn Văn Luận, sinh năm 1935, cư trú tại số nhà 30/28 Đ, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ông H thường đi làm ăn, thường đi đi, về về tại nhà bố ruột là ông Nguyễn Văn Luận ở địa chỉ nêu trên.

Tại văn bản tự khai ghi ngày 22/3/2022 và tại phiên tòa đối với cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1999 là con ruột của bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc H, có nội dung: Quá trình bố mẹ sống chung thì bố H hay ghen tuông không có lý do, hay đánh đập mẹ H lúc đã uống rượu và lúc không uống rượu, hay chửi bới ông bà ngoại bằng những lời lẽ tục tĩu, tình trạng này xảy ra thường xuyên. Mẹ H phải lo kinh tế để nuôi gia đình, không đi với ai. Từ tháng 10/2020 bố H bỏ nhà đi luôn cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Cháu thấy bố mẹ mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, cháu đề nghị Tòa án xét xử cho bố mẹ được ly hôn.

Xét hôn nhân giữa bà H và ông H lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bà H và ông H đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H.

+ Về con chung: Vợ chồng bà H, ông H 03 con chung, có họ và tên là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/1993 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 10/5/1999. Hiện tại 03 con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc H.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Quốc H.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00004721 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. Bảo Lộc;
- + UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công